

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 8772/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 10 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt Đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2008-2010**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 201/2001/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách phát triển Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-UB ngày 07 tháng 7 năm 2004 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá;

Theo chủ trương của UBND thành phố tại Công văn số 1860/VP-QLĐTư ngày 12/6/2008 và Công văn số 4348/UBND-QLĐTư ngày 21/7/2008 v/v hoàn chỉnh Đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2008-2010;

Xét Công văn số 3476/GD&ĐT-KHTC ngày 19/9/2008 của Sở Giáo dục và Đào tạo v/v phê duyệt Đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2008-2010, kèm theo Công văn số 737/KHĐT-VX ngày 19/5/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư v/v hoàn chỉnh Đề án;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2008-2010.

Điều 2. Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện Đề án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Minh

ĐỀ ÁN
XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2008 - 2010
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 8772/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của UBND thành phố Đà Nẵng)*

Phần thứ nhất
CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Cơ sở pháp lý

Xây dựng hệ thống trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học, bậc học, ngành học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngành giáo dục và đào tạo; là xây dựng điều kiện thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện được quy định tại Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo từ năm 2001 đến năm 2010 của Chính phủ. Từ năm 1996 đến nay, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản về chủ trương, định hướng phát triển và chính sách đầu tư cho giáo dục và đào tạo:

1. Nghị quyết số 40/2000/QH10 của Quốc hội về việc đổi mới giáo dục phổ thông, Nghị quyết số 41/2000/QH10 của Quốc hội về phổ cập THCS, Hướng dẫn số 10819/GDTrH ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh tiêu chuẩn phổ cập bậc THPT (để hoàn thành công tác phổ cập giáo dục bậc THPT phải đạt được một tỷ lệ nhất định về số lượng trường chuẩn quốc gia bậc THPT, có ít nhất 50% trở lên số trường tiểu học, 40% trở lên số trường THCS, mỗi quận, huyện phải có ít nhất 1 trường THPT đạt chuẩn quốc gia).

2. Quyết định số 201/2001/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2010.

3. Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách phát triển Giáo dục Mầm non.

4. Quyết định số 45/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia giai đoạn từ năm 2002 đến năm 2005 và Quyết định số 25/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 22 tháng 8 năm 2005 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia kèm theo Quyết định số 45/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 2 năm 2001 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quyết định số 36/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

6. Quyết định số 1366/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 4 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công nhận trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

7. Quyết định số 32/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

8. Quyết định số 27/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 7 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia (giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2010).

9. Quyết định số 117/QĐ-UB ngày 07 tháng 7 năm 2004 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

10. Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 15/6/2004 của Ban Bí thư về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

11. Quyết định số 01/2007/QĐ-UB ngày 06/01/2007 của UBND thành phố về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thành phố Đà Nẵng đến năm 2010”.

II. Cơ sở thực tiễn

1. Qua thực tiễn chỉ đạo và hiệu quả xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học, bậc học, từ năm 1996 đến nay, chủ trương xây dựng trường chuẩn quốc gia là đúng đắn và mang tính khả thi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Đến năm học 2007 - 2008, toàn thành phố đã có 16,37 % trường mầm non, 59 % trường tiểu học, 20% trường THCS và 10 % trường THPT đạt chuẩn quốc gia. Bậc tiểu học có tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia cao nhất so với các tỉnh, thành phố phía Nam.

2. Các bậc học, ngành học đều đã được UBND thành phố phê duyệt Đề án quy hoạch mạng lưới trường, lớp. Một trong những mục tiêu của Đề án quy hoạch là xây dựng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học tiến đến xây dựng trường chuẩn quốc gia. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia đã được cấp ủy và chính quyền các cấp đưa vào nghị quyết thành một trong những mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo của địa phương.

3. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học, bậc học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngành giáo dục và đào tạo thành phố. Trường học đạt chuẩn quốc gia là điều kiện cần và đủ để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

4. Trong chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 16 tháng 10 năm 2003 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hoá - hiện đại hoá, Quyết định số 117/QĐ-UB ngày 07 tháng 7 năm 2004 của UBND thành phố đã chỉ rõ *"xây dựng hệ thống các trường tiểu học, THCS và THPT, đảm bảo mỗi xã phường có ít nhất một trường tiểu học hoặc một*

trường THCS; mỗi quận, huyện có ít nhất một trường THPT công lập được xây dựng kiên cố, trang bị các thiết bị theo hướng chuẩn hoá, đồng bộ và hiện đại".

Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia là một trong những điều kiện để công nhận đơn vị hoàn thành phổ cập giáo dục bậc THPT.

Vì vậy, xây dựng trường chuẩn quốc gia các bậc học, ngành học là việc làm có ý nghĩa nhằm tạo điều kiện giáo dục toàn diện cho các thế hệ học sinh, tạo điều kiện nâng cao dân trí và bồi dưỡng nhân tài cho địa phương và cho đất nước.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA Ở CÁC CẤP HỌC, BẬC HỌC

I. Giáo dục mầm non

1. Kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia

1.1. Kết quả xây dựng theo 5 tiêu chuẩn

Căn cứ Quyết định số 141/2001/QĐ-UB ngày 18 tháng 9 năm 2001 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc Phê duyệt quy hoạch mạng lưới trường mầm non thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2001 - 2010, Quyết định số 6181/QĐ-UB ngày 09 tháng 10 năm 2003 của UBND thành phố Đà Nẵng về "Các chính sách phát triển GDMN" và Quyết định số 45/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về "Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia", ngành giáo dục và đào tạo thành phố đã tổ chức khảo sát thực trạng, lập kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia kết hợp với kế hoạch triển khai xây dựng cơ sở vật chất trường mầm non theo Đề án quy hoạch mạng lưới trường lớp bậc học mầm non giai đoạn 2001 - 2010. Kết quả thực hiện như sau:

a) Tiêu chuẩn về tổ chức quản lý: Có 66 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 56,89%.

b) Tiêu chuẩn về cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên : Có 81 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 69,8 %

c) Tiêu chuẩn về quy mô, CSVC và thiết bị: Có 23 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 19,82%.

d) Tiêu chuẩn về chất lượng chăm sóc - giáo dục : Có 90 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 77,58%.

e) Tiêu chuẩn về xã hội hoá giáo dục: Có 109 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 93,96%.

(Chi tiết theo biểu số 1a đính kèm).

Đến năm học 2007 - 2008, toàn thành phố có 19 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 16,37 %

Số TT	Quận (Huyện)	Tổng số trường	Số trường đạt chuẩn quốc gia					Ghi chú
			Tổng số	Tỉ lệ (%)	Chia các loại hình			
					CL	BC	DL,TT	
1	Hải Châu	28	7	25.00	6	0	1	
2	Thanh Khê	27	2	7.41	1	0	1	
3	Sơn Trà	14	2	14.29	2	0	0	
4	Ngũ H. Sơn	8	1	12.50	1	0	0	
5	Liên Chiểu	15	2	13.33	2	0	0	
6	Cẩm Lệ	12	2	16.67	2	0	0	
7	Hòa Vang	12	3	25.00	3	0	0	
	Tổng cộng	116	19	16.38	17	0	2	

1.2. Kết quả triển khai một số tiêu chuẩn cụ thể

a) Tập trung chỉ đạo xây dựng Tiêu chuẩn về Quy mô trường lớp và cơ sở vật chất

- Từ năm 2001 đến nay, bằng nguồn kinh phí xây dựng cơ bản của thành phố, nguồn kinh phí kiến thiết thị chính và lao động công ích của các quận nội thành, nguồn thu từ quỹ đất của UBND huyện Hòa Vang, nguồn tài trợ phát triển vùng của các tổ chức phi chính phủ, nguồn đầu tư của các chủ trường mầm non tư thục để lập kế hoạch xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất các trường mầm non thuộc các loại hình. Đến năm học 2007 - 2008, toàn thành phố đã có 19 trường mầm non thuộc các loại hình đủ điều kiện về cơ sở vật chất - kỹ thuật theo chuẩn quốc gia. Loại hình công lập có 17 trường đạt chuẩn quốc gia, đó là Trường Mầm non Hoa Phượng Đỏ, Măng Non, Tuổi Thơ, 19/5, 20/10, Ánh Hồng (Hải Châu), Vành Khuyên, Sơn Ca (Sơn Trà), Bạch Dương (Ngũ Hành Sơn), Hòa Tiến 1, Hòa Tiến số 2, Hoà Phú (Hoà Vang), Hướng Dương, Hương Sen (Cẩm Lệ), Cẩm Nhung (Thanh Khê), Tuổi Thơ, Măng Non (Liên Chiểu); loại hình tư thục đã có 2 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, đó là Trường Mầm non tư thục Đức Trí (Hải Châu), Hồng Nhung (Thanh Khê).

- Ngoài các trường được công nhận đạt chuẩn, hiện nay, nhiều trường mầm non đang được đầu tư xây dựng hướng tới chuẩn quốc gia trong các năm học đến.

+ Loại hình công lập: có các trường Dạ Lan Hương (Hải Châu), Hoàng Yến (Sơn Trà), Hòa Bắc, Hòa Ninh (Hòa Vang); đồng thời, UBND thành phố đã phê duyệt quy mô đầu tư cho một số trường mầm non công lập khác như Hoạ Mi (Sơn Trà).

+ Loại hình bán công: có các trường Hoạ Mi, trường 1/6 (Liên Chiểu);

+ Loại hình tư thục: có các trường Hà Nguyên (Hải Châu), Hoa Phượng, Đức Minh (Thanh Khê).

b) Triển khai nhiều biện pháp xây dựng tiêu chí về "Tỷ lệ cán bộ quản lý— giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn" và "Tỷ lệ giáo viên giỏi" theo quy định tại Tiêu chuẩn về đội ngũ cán bộ quản lý giáo viên - nhân viên.

Ngoài việc mở "*Lớp đào tạo cử nhân đại học tâm lý - giáo dục mầm non*" cho 88 cán bộ quản lý - giáo viên từ năm học 1999 - 2000, Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố liên tiếp mở 2 "*Lớp đào tạo cử nhân cao đẳng mầm non*" cho 235 cán bộ quản lý - giáo viên các trường mầm non cận chuẩn; yêu cầu Hiệu trưởng các trường mầm non tạo điều kiện để cán bộ quản lý - giáo viên đi học các lớp nâng chuẩn do Trung tâm GDTX thành phố phối hợp với Trường Đại học sư phạm Đà Nẵng tổ chức giảng dạy. Kết quả đến nay, các trường mầm non nội thành đều có từ 50% cán bộ quản lý - giáo viên đạt trình độ trên chuẩn, các trường mầm non nông thôn có 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn, trong đó trên chuẩn là 25,4%, 46 % cán bộ quản lý đạt trình độ trên chuẩn.

Bên cạnh việc đào tạo nâng chuẩn cho giáo viên, các cấp quản lý ngành còn quan tâm xây dựng đội ngũ giáo viên giỏi; các trường mầm non cận chuẩn đều đảm bảo có từ 10 % giáo viên giỏi cấp cơ sở trở lên.

c) Chỉ đạo các trường mầm non tham mưu cho cấp ủy địa phương về bồi dưỡng phát triển đảng viên, thực hiện tốt tiêu chí "*Phát triển đảng viên, xây dựng tổ chức đảng và các đoàn thể trong trường mầm non*" theo quy định tại tiêu chuẩn về tổ chức quản lý. Nhờ vậy, các trường mầm non đạt chuẩn quốc gia đều có tổ chức Đảng hoặc có đảng viên sinh hoạt chi bộ ghép với trường phổ thông.

2. Một số khó khăn, hạn chế

a) Tiêu chuẩn về quy mô, CSVC và thiết bị là tiêu chuẩn mà các trường mầm non hiện nay đều chưa đạt.

b) Các trường còn thiếu trang thiết bị ở các phòng chức năng, như: thư viện, phòng thiết bị dạy học, phòng giáo dục âm nhạc, sân bãi...

II. Giáo dục tiểu học

1. Kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia

1.1 Kết quả xây dựng theo 5 tiêu chuẩn

Căn cứ Quyết định số 1366/BGD&ĐT ngày 26 tháng 4 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công nhận trường chuẩn quốc gia bậc tiểu học và Quyết định số 32/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, ngành giáo dục và đào tạo đã đề ra những biện pháp cụ thể, xác định việc xây dựng trường chuẩn quốc gia là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của bậc tiểu học, với phương châm chỉ đạo kịp thời, có trọng điểm, rút kinh nghiệm, nhân điển hình. Kết quả thực hiện như sau:

a) Tiêu chuẩn về tổ chức quản lý: Có 100 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 100%.

b) Tiêu chuẩn về cán bộ quản lý giáo viên: Có 98 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 98,0%.

c) Tiêu chuẩn về quy mô, cơ sở vật chất-thiết bị: Có 61 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 61,0%.

d) Tiêu chuẩn về xã hội hoá giáo dục: Có 96 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 96,0%.

e) Tiêu chuẩn về chất lượng giáo dục : Có 99 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 99,0%.

(Chi tiết theo biểu số 1b đính kèm).

Đến năm học 2007 - 2008, toàn thành phố có 59 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia chiếm tỉ lệ 59%:

Số TT	Quận (Huyện)	Tổng số trường	Số trường đạt chuẩn QG					Ghi chú
			Tổng số	Tỉ lệ(%)	Chia các loại hình			
					CL	BC	DL,TT	
1	Hải Châu	22	5	22.73	5	0	0	
2	Thanh Khê	15	8	53.33	8	0	0	
3	Sơn Trà	14	9	64.29	9	0	0	
4	Ngũ Hành Sơn	8	7	87.50	7	0	0	
5	Liên Chiểu	13	10	76.92	10	0	0	
6	Cẩm Lệ	9	5	55.56	5	0	0	
7	Hòa Vang	19	15	78.95	15	0	0	
	Tổng cộng	100	59	59.00	59	0	0	

1.2 Kết quả thực hiện của một số tiêu chuẩn:

a) Tổ chức học tập mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia cho cán bộ quản lý từ phòng giáo dục và đào tạo đến các trường học và tổ chức cho các trường tiểu học tự kiểm tra đánh giá theo từng tiêu chuẩn của quy chế. Qua khảo sát cho thấy rằng, trong số 70 trường tiểu học năm học 1997 - 1998, có 4 trường đạt gần 5 chuẩn, 26 trường đạt 4 chuẩn, số còn lại đạt từ 3 chuẩn trở xuống. Ngành giáo dục và đào tạo lập kế hoạch hướng dẫn các trường phấn đấu mỗi năm tăng 1 chuẩn, tập trung chỉ đạo nâng chuẩn cho các trường cận chuẩn và những trường đạt 4 chuẩn để kết thúc năm học 2000 - 2001 Đà Nẵng đạt được tỷ lệ trên 30% số trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

b) Tập trung chỉ đạo tách trường có quy mô trên 30 lớp thành 2 trường để có điều kiện xây dựng một hoặc cả hai trường đạt chuẩn quốc gia.

Với nhiều biện pháp chỉ đạo tích cực, sau gần 10 năm triển khai thực hiện chủ trương xây dựng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, đến năm học 2007-2008 toàn thành phố đã có 59 trường tiểu học được công nhận đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 59%. Hiện nay, tất cả các quận, huyện trên địa bàn thành phố đều có trường đạt chuẩn quốc gia. Nhiều xã, phường có 2 trường đạt chuẩn quốc gia, như: phường Hoà Khê (Thanh Khê), phường An Hải Tây, Thọ Quang (Sơn Trà), xã Hòa Tiến (Hòa Vang).

c) Triển khai nhiều biện pháp xây dựng tiêu chí về "Tỷ lệ cán bộ quản lý— giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn" theo quy định tại **Tiêu chuẩn về đội ngũ cán**

bộ quản lý giáo viên - nhân viên. Đến nay, có 99,9% giáo viên tiểu học đạt chuẩn, trong đó trên chuẩn là 65,9%.

2. Một số khó khăn, hạn chế

a) Khó khăn lớn nhất là quỹ đất dành cho nhà trường, tỷ lệ bình quân diện tích đất trên đầu học sinh không đạt chuẩn. Một số trường ở trung tâm thành phố là những trường có chất lượng dạy học tốt, nhưng chưa đạt trường chuẩn quốc gia, do diện tích đất không đạt chuẩn. (6m²/HS ở khu vực nội thành, 10m²/HS ở khu vực nông thôn)

b) Đội ngũ giáo viên các môn năng khiếu Âm nhạc, Thể dục, Mỹ thuật và các môn tự chọn như Tin học, Ngoại ngữ ở các trường đạt chuẩn còn thiếu, *do không có chỉ tiêu biên chế để tuyển dụng và chưa đảm bảo chất lượng.*

c) Phần lớn trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia chưa đạt 1,5 phòng/lớp; thiếu phòng học để tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày cho tất cả các lớp học ở các trường này.

d) Thiếu trang thiết bị ở các phòng chức năng, như: thư viện, phòng thiết bị dạy học, phòng giáo dục âm nhạc, sân bãi và phòng giáo dục thể chất, phòng nghe nhìn, phòng dạy ngoại ngữ và phòng dạy tin học.

đ) Kinh phí mua sắm thiết bị dạy học, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất trường học tạo điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục.

Ngoài những khó khăn trên, ở nhiều trường học do chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, đội ngũ cán bộ quản lý trường học thiếu nỗ lực, còn trông chờ đầu tư của cấp trên, cơ sở vật chất để giáo dục thể chất cho học sinh còn nhiều bất cập như sân chơi, bãi tập chật hẹp hoặc không có nên chất lượng giáo dục toàn diện chưa được nâng cao.

III. Giáo dục THCS

1. Kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia

1.1 Kết quả xây dựng theo 5 tiêu chuẩn

Căn cứ Quyết định số 27/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 7 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia. Kết quả thực hiện như sau:

a) Tiêu chuẩn về tổ chức quản lý: Có 41 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 82% .

b) Tiêu chuẩn về cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Có 28 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 56%

c) Tiêu chuẩn về chất lượng giáo dục: Có 36 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 72%.

d) Tiêu chuẩn về quy mô, CSVC- thiết bị: Có 13 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 26%.

e) Tiêu chuẩn về xã hội hoá giáo dục: Có 46 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 92%.

(Chi tiết theo biểu số 1c đính kèm).

Đến năm học 2007 - 2008, toàn thành phố có 10 trường THCS đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỉ lệ: 20 %:

Số TT	Quận (Huyện)	Tổng số trường	Số trường đạt chuẩn QG					Ghi chú
			Tổng số	Tỉ lệ (%)	Chia các loại hình			
					CL	BC	DL, TT	
1	Hải Châu	10	3	30.00	3	0	0	
2	Thanh Khê	10	3	30.00	3	0	0	
3	Sơn Trà	7	1	14.29	1	0	0	
4	Ngũ Hành Sơn	3	1	33.33	1	0	0	
5	Liên Chiểu	5	0	0.00	0	0	0	
6	Cẩm Lệ	4	1	25.00	1	0	0	
7	Hòa Vang	11	1	9.09	1	0	0	
	Tổng cộng	50	10	20.00	10	0	0	

1.2. Kết quả thực hiện của một số tiêu chuẩn:

a) Sau 2 năm hướng dẫn và đầu tư cho các trường theo hướng chuẩn quốc gia, trên cơ sở khảo sát, ngành tiếp tục chỉ đạo cho các trường đạt 4 -5 chuẩn đăng ký hoàn thành các tiêu chuẩn còn lại và đề nghị kiểm tra công nhận.

b) Tổ chức hội thảo giữa các trường đạt từ 3 chuẩn trở lên để xây dựng kế hoạch bổ sung từng tiêu chuẩn, từ đó, rút kinh nghiệm chỉ đạo các trường khác.

c) Triển khai nhiều biện pháp xây dựng tiêu chí về "*Tỷ lệ cán bộ quản lý-- giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn*" theo quy định tại **Tiêu chuẩn về đội ngũ cán bộ quản lý giáo viên - nhân viên**. Đến nay, có 99,9% giáo viên THCS đạt chuẩn, trong đó trên chuẩn là 51,5%.

2. Một số khó khăn, hạn chế

a) Các trường tuy có thuận lợi về sĩ số học sinh trên lớp, về đầu tư trang thiết bị dạy học, nhưng khó khăn lớn nhất vẫn là sân chơi, bãi tập, nhà thi đấu đa chức năng, phòng truyền thống...

b) Các trường THCS ở khu vực nội thành, tỷ lệ bình quân diện tích đất trên đầu học sinh không đạt chuẩn, tỷ lệ học sinh trên lớp vượt quá mức cho phép. Một số trường ở trung tâm thành phố là những trường có chất lượng dạy học tốt nhưng chưa đạt trường chuẩn quốc gia, do diện tích đất không đạt chuẩn.

c) Thiết bị dạy học tuy được đầu tư nhiều song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu dạy học hiện nay. Nhiều trường học chưa có đầy đủ phòng bộ môn, thiết bị dạy học được cất giữ trong kho, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên đưa lên lớp sử dụng (do thiếu cán bộ phụ trách thiết bị - Đồ dùng dạy học).

IV. Giáo dục THPT

1. Kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia

1.1. Kết quả xây dựng theo 5 tiêu chuẩn

Căn cứ Quyết định số 27/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 7 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia. Kết quả thực hiện như sau:

- a) Tiêu chuẩn về tổ chức quản lý: Có 7 trường đạt chuẩn, Chiếm tỉ lệ: 35%.
- b) Tiêu chuẩn về cán bộ quản lý, giáo viên: Có 7 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 35%.
- c) Tiêu chuẩn về chất lượng giáo dục: Có 7 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 35%.
- d) Tiêu chuẩn về quy mô, CSVC- thiết bị: Có 3 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 15%.
- e) Tiêu chuẩn về xã hội hoá giáo dục: Có 15 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 75%.
(Chi tiết theo biểu số 1d đính kèm)

Đến năm học 2007 - 2008, toàn thành phố có 2 trường THPT đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỉ lệ 10 %:

Số TT	Quận (Huyện)	Tổng số Trường	Số trường đạt chuẩn QG					Ghi chú
			Tổng số	Tỉ lệ (%)	Chia các loại hình			
					CL	BCDL	TT	
1	Hải Châu	04	0	0	0	0	0	
2	Thanh Khê	03	0	0	0	0	0	
3	Sơn Trà	04	2	50	2	0	0	
4	Ngũ Hành Sơn	02	0	0	0	0	0	
5	Liên Chiểu	02	0	0	0	0	0	
6	Cẩm Lệ	01	0	0	0	0	0	
7	Hòa Vang	04	0	0	0	0	0	
	Tổng cộng	20	2	10	2	0	0	

1.2. Kết quả thực hiện của một số tiêu chuẩn:

Đối với trường trung học phổ thông, năm học 2001 - 2002, chỉ có một Trường THPT Hoàng Hoa Thám đủ 3 chuẩn, còn lại hầu hết các trường THPT đều chỉ đạt dưới 3 chuẩn. Ngành tập trung bổ sung kinh phí xây dựng trường THPT Hoàng Hoa Thám. Đến năm học 2002 - 2003, trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra công nhận đạt chuẩn quốc gia đầu tiên của cấp trung học phổ thông thành phố Đà Nẵng. Đến nay, có 02 trường THPT đạt chuẩn đó là Trường THPT Hoàng Hoa Thám và Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn.

Trong thời gian vừa qua ngành triển khai nhiều biện pháp xây dựng tiêu chí về "Tỷ lệ cán bộ quản lý - giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn" theo quy định tại Tiêu chuẩn về đội ngũ cán bộ quản lý giáo viên - nhân viên. Đến nay, có 99,9% giáo viên THPT đạt chuẩn, trong đó trên chuẩn là 12,5%.

2. Một số khó khăn, hạn chế:

a) Hầu hết các trường đều có sĩ số học sinh trên lớp vượt quá mức cho phép của một lớp học đạt chuẩn (sĩ số trên 50 học sinh/lớp).

b) Các trường THPT ngoài công lập, nhất là trường THPT tư thục không được đầu tư nhiều về trang thiết bị dạy học. Không có sân chơi, bãi tập, thậm chí không có sân để tập trung chào cờ đầu tuần hoặc khai giảng năm học mới, chỉ có 1/2 hoặc 1/3 số học sinh của trường được tham dự lễ khai giảng. Chất lượng dạy học ở các trường ngoài công lập thấp so với mặt bằng thành phố.

c) Diện tích đất của hầu hết các trường THPT chưa đạt yêu cầu của một trường chuẩn quốc gia.

d) Thiết bị dạy học tuy được đầu tư nhiều song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu dạy học hiện nay. Nhiều trường học chưa có đầy đủ phòng bộ môn, thiết bị dạy học được cất giữ trong kho, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên đưa lên lớp sử dụng.

đ) Cán bộ quản lý đạt trình độ lý luận chính trị cao cấp ở các trường tư thục chiếm tỉ lệ chưa cao.

Phần thứ ba

PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG TRƯỜNG

ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2008 – 2010

I. Mục tiêu chung

1. Tập trung xây dựng điều kiện tốt nhất về cơ sở vật chất nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho thế hệ trẻ.

2. Hướng tới mục tiêu chuẩn hóa, hiện đại hoá về các lĩnh vực: tổ chức và quản lý trường học, xây dựng cơ sở vật chất và đội ngũ CBQL-GV ở các loại hình trường học trên địa bàn thành phố, nhằm tạo ra môi trường giáo dục đồng đều giữa các địa bàn, tạo cơ hội bình đẳng về điều kiện học tập của mọi trẻ em ở các vùng kinh tế - xã hội khác nhau.

3. Thực hiện mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2006 - 2010 theo Quyết định số 201/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

II. Mục tiêu xây dựng trường chuẩn quốc gia ở từng bậc học đến năm 2010

1. Mầm non: Phần đầu có 36 trường đạt chuẩn quốc gia/130 trường, nâng tỷ lệ trường đạt chuẩn lên 27,69 %.

2. Tiểu học: Phần đầu có 71 trường đạt chuẩn quốc gia/105 trường, nâng tỉ lệ trường đạt chuẩn lên 67,61 %.

3. Trung học cơ sở: Phần đầu có 29 trường đạt chuẩn quốc gia/56 trường, nâng tỉ lệ trường đạt chuẩn lên 51,78%.

4. Trung học phổ thông: Phần đầu có 10 trường đạt chuẩn quốc gia/24 trường, nâng tỉ lệ trường đạt chuẩn lên 41,67%.

III. Giải pháp

1. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên:

a) Quy hoạch mỗi trường chuẩn quốc gia phải có cán bộ quản lý đạt trình độ chuyên môn trên chuẩn. Riêng các trường THCS, THPT phấn đấu đến năm 2010, mỗi trường có ít nhất một người đạt trình độ thạc sĩ quản lý giáo dục hoặc chuyên ngành.

b) 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn.

c) Giáo viên là đảng viên phải có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên.

d) Đảm bảo tỷ lệ giáo viên giỏi các cấp theo quy định về trường chuẩn quốc gia.

đ) Cán bộ quản lý phải có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên.

2. Nâng cao chất lượng dạy học

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục cho học sinh, đảm bảo tỷ lệ học sinh khá, giỏi theo quy định về trường chuẩn quốc gia. Tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động 2 không, phấn đấu giảm tỷ lệ học sinh lưu ban và bỏ học.

3. Đảm bảo qui mô các loại hình trường ở các cấp học, bậc học theo đề án quy hoạch mạng lưới

a) Mầm non

Tối thiểu từ 3 đến 6 nhóm - lớp (*khoảng từ 100 đến 150 cháu*); tối đa 18 đến 21 nhóm - lớp (*khoảng từ 630 đến 750 cháu*).

b) Tiểu học

- Tách trường tiểu học quy mô trên 30 lớp thành 2 trường, đảm bảo được diện tích quỹ đất theo quy định trường chuẩn.

- Những trường tiểu học có từ 15 đến 20 lớp, bình quân từ 500 đến 700 học sinh, diện tích trường học chưa đảm bảo theo quy định, tiếp tục bổ sung quỹ đất cho trường.

c) Trung học cơ sở

- Chủ yếu đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang bị thiết bị dạy học dùng chung đối với trường THCS ở trung tâm thành phố và bổ sung quỹ đất để mở rộng diện tích.

- Xây dựng mỗi trường 1 phòng máy vi tính, với số lượng máy tính từ 25 đến 30 máy, để có thể phân mỗi lớp học thành 2 ca cho một tiết thực hành.

d) Trung học phổ thông

- Tập trung nâng cao chất lượng dạy học. Tách các trường có quy mô lớn thành hai hoặc ba trường (mỗi trường dưới 45 lớp, mỗi lớp dưới 45 học sinh). Hiện nay, hầu hết các trường THPT đều có quy mô trên 45 lớp và mỗi lớp trên 50 học sinh.

- Xây dựng mỗi trường từ 1 đến 2 phòng máy vi tính, với số lượng 25 đến 30 máy/01 phòng, để có thể phân mỗi lớp học thành 2 ca cho một tiết thực hành.

4. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị

Trong năm 2007, thành phố đã đầu tư 92 tỷ đồng từ nhiều nguồn vốn xây dựng cơ sở vật chất trường học; tuy nhiên, để tiếp tục thực hiện mục tiêu xây dựng trường chuẩn

quốc gia ở từng bậc học đến năm 2010 về tiêu chuẩn (quy mô, CSVC - thiết bị, nhu cầu đầu tư CSVC trường học) đến năm 2010 như sau:

+ Tổng kinh phí đầu tư

- Phân chia theo từng bậc học, cấp học:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Tổng cộng
2008	8.278	9.830	16.015	5.609	39.732
2009	25.352	25.895	18.904	28.234	98.385
2010	2.220	3.334	22.171	8.174	35.899
Tổng cộng	35.850	39.059	57.090	42.017	174.016

- Phân chia theo nguồn đầu tư:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nguồn vốn	2008	2009	2010	Tổng cộng
Ngân sách trung ương	10.000	11.000	12.000	33.000
Ngân sách thành phố	17.122	74.327	19.141	110.590
Ngân sách quận, huyện	9.860	6.360	998	17.218
Nguồn huy động	2.750	6.698	3.760	13.208
Tổng cộng	39.732	98.385	35.899	174.016

- Phân kỳ theo lĩnh vực đầu tư:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Các chuẩn	2008	2009	2010	Tổng cộng
1. Về tổ chức quản lý	150	270	80	500
2. Về cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.	234	373	204	811
3. Về quy mô, CSVC và thiết bị. Trong đó:	36.538	90.864	31.785	159.187
a. Xây dựng cơ bản	31.057	77.234	27.017	135.309
b. Thiết bị	5.481	13.630	4.768	23.878
4. Về chất lượng giáo dục	60	180	70	310
5. Về xã hội hóa giáo dục	2.750	6.698	3.760	13.208
Tổng cộng	39.732	98.385	35.899	174.015

+ Tổng nhu cầu quỹ đất: 20.858 m²

Giải pháp cụ thể cho từng bậc học, cấp học như sau:

a) Mầm non

- Về quy hoạch: Tập trung xây dựng kế hoạch, phê duyệt chủ trương và quy mô đầu tư cơ sở vật chất các trường mầm non theo hướng trường chuẩn quốc gia theo Đề

án quy hoạch (ban hành kèm theo Quyết định 141/2001/QĐ-UB ngày 18 tháng 9 năm 2001 của UBND thành phố Đà Nẵng) và Kế hoạch thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non (ban hành kèm theo Quyết định số 6181/QĐ-UB ngày 09 tháng 10 năm 2003 của UBND thành phố Đà Nẵng).

- Cơ sở vật chất - trang thiết bị của các trường chuẩn quốc gia:

Theo Quy định tại Tiêu chuẩn về quy mô, CSVC và thiết bị của Quyết định số 45/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 12 năm 2001, Quyết định số 25/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia giai đoạn từ năm 2002 đến năm 2005 ban hành kèm theo Quyết định số 45/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 12 năm 2001 và Quyết định số 36/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia; căn cứ yêu cầu về quy cách phòng ốc, quy mô phát triển của các trường mầm non, đề xuất tổng kinh phí đầu tư theo phân kỳ để xây dựng 17 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Năm	Số trường Đầu tư	Mức Đầu tư	Chia ra				
				TC: Về tổ chức quản lý	TC: Cán bộ, quản lý, giáo viên	TC: Quy mô, CSVC-thiết bị	TC: chất lượng giáo dục	TC: Xã hội hoá giáo dục
1	2008	5	8.278	40	24	7.914	0	300
2	2009	11	25.352	110	61	21.983	50	3.148
3	2010	1	2.220	10	0	0	10	2.200
	Tổng cộng	17	35.850	160	85	29.897	60	5.648

Chi tiết theo biểu số 2a đính kèm.

- Đầu tư xây dựng 17 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 3 trường mầm non tư thục, dân lập, 14 trường mầm non công lập

- Tổng cộng nhu cầu quỹ đất: 2.300 m².

Kế hoạch xây dựng 5 tiêu chuẩn theo biểu số 2 đính kèm.

b) Tiểu học

- Về cơ sở vật chất trường học: Hiện nay, các trường tiểu học có 1500 phòng học kiên cố, trong đó có 1000 phòng học 2 buổi/ngày; 500 phòng học 2 ca/ngày. Để đảm bảo đến năm 2010, hầu hết trường học và học sinh học 2 buổi/ngày phải xây dựng thêm 500 phòng học nữa; bình quân xây dựng mới 166 phòng học/năm.

- Về trang bị thiết bị dạy học: Hiện nay, phần lớn trường học đã đạt chuẩn hay chưa đạt chuẩn vẫn thiếu thiết bị dạy-học hiện đại phục vụ công tác đổi mới nội dung và

phương pháp dạy học theo tinh thần Nghị quyết 40/QH10 của Quốc hội. Trang thiết bị tối thiểu đảm bảo theo cơ số của Bộ GD&ĐT quy định, nhưng còn thiếu trang thiết bị dùng chung; tỷ lệ trường tiểu học được trang bị máy vi tính, hệ thống nghe nhìn, thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin để giảng dạy còn hạn chế; các thiết bị giảng dạy môn giáo dục thể chất, âm nhạc và mỹ thuật, nhiều trường còn thiếu hoặc chưa được trang bị. Do vậy, tiếp tục trang bị trang thiết bị dùng chung cho các trường.

Căn cứ yêu cầu về quy mô phát triển trường lớp bậc tiểu học, có thể đề xuất tổng kinh phí đầu tư theo phân kỳ để xây dựng 12 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia ở mức độ 1 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Năm	Số trường Đầu tư	Mức Đầu tư	Chia ra				
				TC: Về tổ chức quản lý	TC: Cán bộ, quản lý, giáo viên	TC: Quy mô, CSVC-thiết bị	TC: Xã hội hoá giáo dục	TC: Chất lượng giáo dục
1	2008	4	9.830	40	72	8.668	1.000	50
2	2009	6	25.895	70	126	24.329	1.300	70
3	2010	2	3.334	20	36	2.998	260	20
Tổng cộng		12	39.059	130	234	35.995	2.560	140

Chi tiết theo biểu số 2b đính kèm.

Tổng cộng nhu cầu quỹ đất: 5.612 m².

Kế hoạch xây dựng 5 tiêu chuẩn theo biểu số 2 đính kèm.

c) Trung học cơ sở

Đến năm 2010, số lượng học sinh THCS khá ổn định với tổng số trường là 56 trường. Trường, lớp cấp THCS chỉ cần bổ sung kinh phí để tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học. Căn cứ nhu cầu phát triển và quy mô mạng lưới trường học, có thể đề xuất tổng kinh phí đầu tư theo phân kỳ để xây dựng 19 trường đạt chuẩn quốc gia như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Năm	Số trường Đầu tư	Mức Đầu tư	Chia ra				
				TC: Về tổ chức quản lý	TC: Cán bộ, quản lý, giáo viên	TC: Chất lượng giáo dục	TC: Quy mô, CSVC-thiết bị	TC: Xã hội hoá giáo dục
1	2008	6	16.015	50	102	0	15.113	750
2	2009	6	18.904	50	114	10	18.380	350
3	2010	7	22.171	40	150	20	21.061	900
Tổng cộng		19	55.559	140	366	30	54.554	2.000

Chi tiết theo biểu số 2c đính kèm.

Tổng cộng nhu cầu quỹ đất: 6.946 m².

Kế hoạch xây dựng 5 tiêu chuẩn theo biểu số 2 đính kèm.

d) Trung học phổ thông

Đến năm 2010, học sinh THPT tăng gần 10.000 học sinh với 24 trường. Nếu tính bình quân mỗi trường THPT thu nhận 2500 học sinh thì cần thiết phải xây dựng thêm 5 trường THPT, trong đó đầu tư xây dựng 01 trường THPT tư thục quốc tế, trường này phấn đấu đến năm 2010 đạt 4 chuẩn. Riêng chuẩn chất lượng giáo dục phấn đấu đạt, để trường đạt chuẩn quốc gia sau năm 2010.

Căn cứ nhu cầu phát triển và quy mô mạng lưới trường học, có thể đề xuất tổng kinh phí đầu tư theo phân kỳ để xây dựng 8 trường đạt chuẩn quốc gia như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Năm	Số trường đầu tư	Mức Đầu tư	Chia ra				
				TC: Về tổ chức quản lý	TC: Cán bộ, quản lý, giáo viên	TC: Chất lượng giáo dục	TC: Quy mô, CSVC-thiết bị	TC: Xã hội hoá giáo dục
1	2008	5	12.088	50	72	40	10.126	1.800
2	2009	2	16.866	10	36	20	16.000	800
3	2010	1	6.448	10	18	20	6.000	400
	Tổng cộng	8	35.402	70	126	80	32.126	3.000

Chi tiết theo biểu số 2d đính kèm.

- Đầu tư xây dựng 8 trường THPT đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 1 trường THPT dân lập, tư thục và 7 trường THPT công lập.

- Tổng cộng nhu cầu quỹ đất: 6.000 m².

Kế hoạch xây dựng 5 tiêu chuẩn theo biểu số 2 đính kèm.

5. Tạo cơ chế thuận lợi để đầu tư xây dựng trường trở thành trường đạt chuẩn quốc gia

a. Đối với trường ngoài công lập

- Thành phố ưu tiên thực hiện việc giao đất, cho thuê đất theo giá ưu đãi theo các quy định tại Quyết định số 26/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2007 của UBND thành phố Đà Nẵng.

- Hỗ trợ chi phí đào tạo cán bộ, giáo viên để nâng cao trình độ, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về nghiệp vụ theo các tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia.

- Các trường ngoài công lập cân đối nguồn kinh phí thu, chi để đầu tư xây dựng CSVC-KT đảm bảo theo các tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia.

b. Đối với trường công lập

- Về cơ sở vật chất - kỹ thuật: Thành phố bố trí nguồn kinh phí hằng năm để đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các trường có điều kiện phấn đấu xây dựng để trở thành trường đạt chuẩn quốc gia.

- Huy động toàn xã hội chăm lo sự nghiệp giáo dục để đầu tư nguồn vốn mua sắm trang thiết bị dạy học nâng cao chất lượng giảng dạy, phục vụ cho việc xây dựng trường chuẩn quốc gia và theo đúng tiến độ triển khai Đề án đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động giáo dục trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2010.

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Kiện toàn Ban Chỉ đạo xây dựng trường chuẩn quốc gia. Giao trách nhiệm cụ thể cho từng phòng, ban tổ chức chỉ đạo các chỉ tiêu của từng trường dự kiến xây dựng trường chuẩn quốc gia.

2. Theo dõi tiến độ, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo UBND thành phố để đảm bảo thực hiện đề án.

3. Chỉ đạo các đơn vị, trường học thành lập Ban Chỉ đạo, gồm nhiều Tiểu ban phân công chịu trách nhiệm xây dựng từng tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia. Hàng tháng, hàng quý kiểm điểm những nội dung kế hoạch đã thực hiện, chưa thực hiện và đề ra chỉ tiêu cụ thể cho từng nội dung để các tiểu ban thực hiện.

4. Chỉ đạo các đơn vị, trường học tích cực tham mưu cho các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương đầu tư thêm về cơ sở vật chất.

5. Chỉ đạo các đơn vị, trường học tổ chức tốt các hoạt động xã hội hóa giáo dục nhằm tăng cường đầu tư về cảnh quan sư phạm nhà trường; phối hợp trong công tác giáo dục học sinh.

6. Xây dựng kế hoạch đầu tư từng giai đoạn cho các trường để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

II. UBND các quận, huyện

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo trong việc xây dựng trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn quận, huyện. Trình HĐND cùng cấp ra Nghị quyết về việc xây dựng trường chuẩn quốc gia theo phân cấp quản lý (lưu ý có mốc thời gian cụ thể trong việc triển khai thực hiện).

2. Cùng với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu về việc dành quỹ đất cho trường học đảm bảo đủ diện tích. Trong đó chú trọng quỹ đất dành cho các hoạt động vui chơi, giải trí và tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục thể chất của học sinh.

3. Đầu tư thêm những hạng mục công trình của các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở. Đối với các trường mầm non và tiểu học, UBND quận, huyện có chỉ đạo cụ thể cho UBND xã, phường trong việc đầu tư thêm cơ sở vật chất cho các loại hình trường này.

III. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Tham mưu về quỹ đất, quy hoạch sử dụng đất trường học trên địa bàn quy hoạch và toàn thành phố để đảm bảo tiêu chuẩn diện tích trường chuẩn.

2. Căn cứ vào quy hoạch và sự phân chia địa giới hành chính mới, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu xây dựng thêm các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở cho các phường, xã mới và trường THPT cho quận Cẩm Lệ. Đầu tư mở rộng trường THPT Hòa Vang hiện nay để có thể đưa trường này thành trường chuẩn quốc gia sau năm 2010.

IV. Sở Xây dựng

1. Tham mưu cho UBND thành phố về việc phê duyệt các công trình xây dựng trường học mới, đảm bảo đạt tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia.

2. Chủ trì và phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất các phương án xây dựng trường học đảm bảo tính hiện đại, phục vụ tốt cho việc học tập của học sinh.

3. Chủ trì và phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho UBND thành phố về việc bổ sung quy hoạch mạng lưới trường tại các khu vực dân cư mới.

4. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, giám sát các công trình đầu tư đảm bảo đúng quy hoạch.

V. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Căn cứ phân kỳ đầu tư xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia đưa vào kế hoạch đầu tư từng năm nhằm đáp ứng yêu cầu học tập của con em nhân dân trên các địa bàn.

2. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trình UBND thành phố về kế hoạch xây dựng trường, kế hoạch đầu tư bổ sung, cải tạo các trường học hiện có, tiến đến hoàn thiện các trường học để được công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia.

VI. Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Giáo dục và Đào tạo bố trí nguồn vốn theo phân kỳ đầu tư để triển khai thực hiện Đề án đúng tiến độ. Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí dành cho việc triển khai Đề án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, giám sát việc sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả.

2. Phê duyệt danh mục mua sắm và trình UBND thành phố bố trí nguồn vốn để mua sắm trang thiết bị và hàng mọt theo phân kỳ đầu tư đảm bảo đủ điều kiện để được công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Minh